TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **190**/2019/HNGĐ-ST Ngày 30 tháng 10 năm 2019 V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Cao Thị Loan.

2. Ông Võ Quí Quốc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Ngân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T,** sinh năm 1987;

Địa chỉ: 771 ấp T, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang;

Tạm trú: 387 ấp L, xã Đ, thànhphố Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 771 ấp T, xã T, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang;

Tạm trú: 75 đường P, phường B, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

(Có mặt chị T, anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế H chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/3/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác khiến chị phải đi bắt ghen nhiều lần, anh H thay đổi tính tình thường xuyên vô cớ hành

hung chị, chị nhiều lần khuyên răn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị đã nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý vào ngày 18/02/2019, sau đó để tạo điều kiện hàn gắn nên chị đã rút đơn, Tòa án ra quyết định đình chỉ số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2019. Tuy nhiên, anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Minh K. sinh ngày 18/5/2016. Hiện hai con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện là khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động được

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 27/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Thế H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/3/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị T có quan hệ với người đàn ông khác, chị T hay ghen tuông vô cớ, anh có đánh chị T một lần, hai lần. Chị T đã nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý vào ngày 18/02/2019, sau đó chị T đã rút đơn, Tòa án ra quyết định đình chỉ số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2019. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Minh K. sinh ngày 18/5/2016, hiện hai con đang sống với chị T. Anh yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu T; anh đồng ý giao cháu K cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện là khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Chị Trăm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H; Về con chung: Giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi

mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động được; Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23, ngày 28/3/2012. Ngày 10/6/2019, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi hai con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Nguyễn Thế H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 771 ấp T, xã T, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang, hiện đang cư trú tại 75 đường P, phường B, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thế H được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, vì vậy hôn nhân của chị T, anh H là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9,11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị T và anh H thống nhất thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Minh K. sinh ngày 18/5/2016, hiện hai con đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/tháng. Anh H yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu T; anh đồng ý giao cháu K cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, cháu T và cháu K hiện nay đang sống với chị T. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý và chỗ ở của hai cháu thì cần giao hai cháu cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh H, nhu cầu thiết yếu của cháu T và cháu K thì Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh H cấp dưỡng mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động được, theo quy định của Điều 110 và Khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Anh Hưng phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thế H;

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/5/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh H chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014418 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong.

Anh Nguyễn Thế H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường M, TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni